TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/ HS-ST
Ngày 09 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phương Văn Tư và ông Hoàng Văn Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Bà Lục Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 80/2023/TLST - HS ngày 03 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Tống Văn H, giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 26/6/1986, tại xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm T, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở hiện nay: xóm B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Tống Văn N, sinh năm 1949 và bà Hà Thị A, sinh năm 1949; Vợ: Triệu Thị C, sinh năm 1989 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

* *Bị hại*:

1/ Đàm Thị Thu G, sinh năm 2000;

2/ Bùi Thế Y, sinh năm 1992;

Đều trú tại: xóm B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Lục Thị Minh T1, sinh năm 1972. Trú tại: xóm Bản Đà, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

2/ Lê Thị M, sinh năm 1968. Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

3/ Mai Ngọc N, sinh năm 1969. Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

(Chị T1có mặt; Anh Y, chị G, bà M, ông N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tống Văn H, sinh năm 1986, tạm trú tại xóm B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng có quan hệ tình cảm với chị Lục Thị Minh T1, sinh năm 1972, trú tại xóm B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Từ năm 2020, Tống Văn H đến nhà chị Lục Thị Minh T1 chung sống như vợ chồng. Ngày 05/5/2023, chị T1 đi Bắc Ninh trông cháu cho con trai và con dâu là Bùi Thế Y, sinh năm 1992 và Đàm Thị Thu G, sinh năm 2000 cùng trú tại xóm B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Trước khi đi, chị T1 nhờ H trông coi nhà cửa. Ngày 15/5/2023, do không có tiền mua ma tuý về sử dụng nên H đã nảy sinh ý định tìm các tài sản có giá trị trong nhà chị T1 để trộm cắp. Thấy phòng ngủ của vợ chồng Y, G không khoá, H đi vào trong phòng, thấy trong phòng có 01 tủ nhựa, ngăn tủ bên phải được khoá lại, nghĩ bên trong có tài sản có giá trị nên H đã tìm chìa khoá để mở tủ. H đi đến gian bếp, thấy trên nóc tủ kính có 01 chiếc chìa khoá, H cầm lấy chìa khoá này và trở lại phòng vợ chồng Y, G để mở ngăn tủ đang bị khoá. Khi mở được tủ, thấy ngăn dưới cùng có 01 con lợn đất màu đỏ, bên cạnh là 03 hộp đựng trang sức. H mở hết các hộp thì thấy bên trong hộp có màu xanh tím có 05 nhẫn vàng, H cầm lấy hộp trang sức này và con lợn đất rồi đóng và khoá cửa tủ lại. Lấy được tài sản, H mang con lợn đất ra gần chân núi ngay đằng sau nhà chị T1 đập vỡ con lợn đất để lấy tiền bên trong, H đếm được tổng cộng 5.000.000 đồng. 05 nhẫn vàng, H đem đến cửa hàng vàng bạc K1 tại tổ dân phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng bán cho vợ chồng bà Lê Thị M, sinh năm 1968 và ông Mai Ngọc N, sinh năm 1969, trú tại tổ dân phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng được 17.150.000 đồng. Số tiền trên, H đã chi tiêu cá nhân và mua ma tuý về sử dụng hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 22 ngày 28/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trùng Khánh kết luận: Giá trị tại thời điểm ngày 15/5/2023 của 03 nhẫn vàng, loại vàng 9999 (vàng ta) có khối lượng mỗi nhẫn là 01 (một) chỉ là 17.184.000 đồng; 02 nhẫn vàng, loại 14K (vàng tây) có thương hiệu DOJI là 6.885.000 đồng. Tổng cộng: 24.069.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản Tống Văn H đã trộm cắp là 29.069.000 đồng.

Quá trình điều tra, Tống Văn H đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án: 01 đoạn cây, chiều dài 80cm, đường kính 05cm, đoạn cây màu nâu - đen, có bám dính bùn đất; 01 khúc gỗ hình khối hộp chữ nhật, màu nâu, kích thước (28 x 19 x 12,5)cm, có bám dính bùn đất; 01 hộp trang sức hình trụ tròn có đường kính 3,5cm, đường cao 02cm, hộp có màu cam, mặt trên hộp có chữ "VÀNG QUÝ TÙNG, ĐT: 0208.3855682, TP.THÁI NGUYÊN", hộp cũ đã sử dụng, ngày 10/8/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đàm Thị Thu G. Vật chứng còn lại gồm 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu NOKIA 2, màu đen, số IMEI 1: 356038088546809, IMEI 2: 356038088626809, điện thoại đã bị vỡ màn hình, đã qua sử dụng và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Vision, màu đen đỏ, biển kiểm soát 11K1 - 102.94, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã ban hành Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 80/CT-VKSTK ngày 02 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố bị cáo Tống Văn H ra trước Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để xét xử về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo xác nhận: Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của mình và khai: Do không có tiền mua ma túy nên ngày 15/5/2023 đã trộm cắp tài sản như Cáo trạng đã truy tố, nay biết hành vi của mình là sai bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lục Thị Minh T1 khai: Chị có quan hệ tình cảm và sống chung như vợ chồng với Tống Văn H từ năm 2020. Ngày 05/5/2023 chị đi xuống Bắc Ninh trông cháu cho con trai và con dâu đi làm có nhờ H trông nhà giúp, trong thời gian chị đi vắng H đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như Cáo trạng đã truy tố. Nay sự việc đã được các cơ quan chức năng làm rõ, việc bị cáo H lấy xe chị để đi bán tài sản trộm cắp chị không biết nay chị đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11K1-102.XY để chị sử dụng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Tống Văn H về tội "*Trộm cắp tài sản*" và trình bày quan điểm về nguyên nhân phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tống Văn H từ 15 tháng đến 21 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu NOKIA 2, màu đen, số IMEI 1: 356038088546809, IMEI 2: 356038088626809, điện thoại đã bị vỡ màn hình, đã qua sử dụng. Trả cho chị Lục Thị Minh T1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đen đỏ, biển kiểm soát 11K1-102.XY.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh về tội danh, hành vi phạm tội, mức hình phạt và quan điểm xử lý vật chứng nên không có ý kiến tranh luận. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí với quan điểm xử lý vật chứng và không có ý kiến tranh luận.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo Tống Văn H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Tống Văn H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Cụ thể như: Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 07/7/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh; Lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 28/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trùng Khánh. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 15/5/2023 tại nhà chị Lục Thị Minh T1 thuộc xóm B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng Tống Văn H đã trộm cắp 5.000.000 đồng và 05 nhẫn vàng có giá trị 24.069.000 đồng của vợ chồng Bùi Thế Y, Đàm Thị Thu G. Tổng giá trị tài sản Tống Văn H chiếm đoạt là 29.069.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có ý thức che giấu, lén lút, lợi dụng lúc bị hại vắng nhà để trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã

hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản'' theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh truy tố và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Tống Văn H không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, bị cáo là người nghiện ma túy nên không được coi là có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi "Trộm cắp tài sản" của mình và tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Tống Văn H tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành, việc bị phát hiện bắt giữ là hoàn toàn ngoài ý muốn của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm sở hữu. Xét mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các nhận định khác: Đối với bà Lê Thị M và ông Mai Ngọc N khi mua 05 nhẫn vàng với Tống Văn H không biết là tài sản trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

[6] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu NOKIA 2, màu đen, số IMEI 1: 356038088546809, IMEI 2: 356038088626809, điện thoại đã bị vỡ màn hình là điện thoại của bị cáo H, H khai được dùng tiền trộm cắp mua lại với người đang ông bán ma túy với giá 200.000đ nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Trả cho chị Lục Thị Minh T1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đen đỏ, biển kiểm soát 11K1-102.XY.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường do đó Hội đồng xét xử không xem xét, sau này các bên có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[8] Về án phí: Bị cáo Tống Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Tống Văn H** phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Tống Văn H 16 (Mười sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 08/7/2023;

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu NOKIA 2, màu đen, số IMEI 1: 356038088546809, IMEI 2: 356038088626809, điện thoại bị vỡ màn hình, đã qua sử dụng.

Trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đen đỏ, biển kiểm soát 11K1-102.94 cho chị Lục Thị Minh T1, sinh năm 1972, địa chỉ: xóm B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Xác nhận số vật chứng trên đã chuyển sang cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trùng Khánh tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/10/2023.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Tống Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Bị cáo Tống Văn H có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lục Thị Minh T1 có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại Đàm Thị Thu G, Bùi Thế Y có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Ngọc N và bà Lê Thị M có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được trích sao bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Phòng hồ sơ – CA tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan THA hình sự;
- Trại giam;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Án văn, THA hình sự và HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hoàng Thúy Quỳnh